

Số: 68/2026/QĐST-HNGĐ

LĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: bà NTP, sinh năm: 1969; Địa chỉ: tổ 9, thôn BL, xã HT, tỉnh LĐ.

- *Bị đơn*: ông NVP, sinh năm: 1971; Địa chỉ: tổ 9, thôn BL, xã HT, tỉnh LĐ.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà NTP và ông NVP.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Các bên đương sự xác định các con chung đã trưởng thành, không phụ thuộc gia đình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thoả thuận bà NTP nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001402 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh LD. Hoàn trả cho bà NTP 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí còn thừa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Khu vực 2 – LD;
- Phòng THA DS Khu vực 2 – LD ;
- UBND xã HT;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Quốc Bảo

